

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI TRÍ THỨC

PGS TRẦN ĐÌNH HUỖNH

Xét về mặt sở hữu tài sản và đặc điểm lao động thì bản thân những người lao động trí óc không có kết với nhau thành giai cấp. Các từ điển Chính trị học, Triết học gọi họ là “tầng lớp” hoặc “tập đoàn”, từ điển Chủ nghĩa xã hội khoa học gọi là “nhóm xã hội”, trong các văn kiện của Đảng cộng sản Việt Nam những năm gần đây thì gọi họ là “đội ngũ”. Dù gọi là gì thì những người trí thức ở những nước đang phát triển và đã phát triển cao cũng là một thực thể, tuy không đông đảo bằng giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, nhưng là một bộ phận quan trọng không thể thiếu và ngày càng quan trọng của đời sống xã hội. Họ không trực tiếp lao động sản xuất ra của cải vật chất như thợ thủ công, công nhân và nông dân, nhưng họ lại có vai trò quan trọng trong cải biến xã hội và phát triển lực lượng sản xuất, đặc biệt là trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Nhờ có họ mà hàm lượng trí tuệ ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong mỗi sản phẩm, trong nền kinh tế. Do đó, từ thập niên cuối thế kỷ XX tới nay, người ta đã nói nhiều tới khái niệm nền *kinh tế trí thức*, và người lao động trí óc - người trí thức - ngày càng có vị trí quan trọng trong việc phát triển nhanh

chóng, bền vững của mỗi quốc gia cũng như trên toàn thế giới.

Từ thế kỷ XX tới nay, lao động trí óc và lao động chân tay ngày càng chuyên hóa, thâm nhập vào nhau, kết hợp với nhau. Đó là một quá trình phát triển khách quan, tất yếu, được Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là “công nông hóa trí thức” và “trí thức hóa công nông”. Cần hiểu đúng tư tưởng “trí thức hóa công nông” của Người, không phải như một thời ấu trĩ, muốn “cải tạo” trí thức bằng cách biến họ thành một người thợ hay một dân cày..., mà là trí thức thâm nhập vào thực tế, qua đó phát minh, sáng chế, góp phần cải biến xã hội, đồng thời tăng thêm lòng yêu mến những người cần lao, cùng đoàn kết với họ, giúp đỡ họ, làm cho khoa học - kỹ thuật dần dần thay thế lao động cực nhọc bằng cơ bắp. Nói một cách khác, người trí thức thực thụ, chân chính là người đem hiểu biết của mình ra thực hành. Người còn viết: “Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó, không có trí thức nào khác. Một người

học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song y ... không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức *một nửa*. Trí thức của y là trí thức *học sách*, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào *thực tế*” (Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.235).

Hồ Chí Minh xác định thành phần giai cấp không phải đề kỳ thị giai cấp, thành kiến giai cấp mà là đề xác định đặc điểm, địa vị xã hội, mặt mạnh và mặt yếu, khả năng đóng góp thực tế cho cách mạng và thái độ ứng xử của cách mạng đối với họ. Trí thức không phải là người vô sản. Trí thức cũng không phải là giai cấp hữu sản như địa chủ hay nhà tư bản. Trí thức là người sở hữu một tài sản, tài sản đặc biệt, tài sản “nhỏ” riêng có của mỗi người (có trí thức bậc thấp, bậc cao, có nhà đại trí thức)... Trí thức thuộc về giai cấp tiểu tư sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trong sách *Thường thức chính trị* dùng làm tài liệu học tập cho cán bộ như sau: “**Giai cấp tiểu tư sản.** Giai cấp này gồm có: phần trí thức, các nhà công nghệ và thương nghiệp nhỏ, thủ công nghệ, những người làm nghề tự do (như thầy thuốc, luật sư...), công chức. Đa số *trí thức và học sinh* thuộc giai cấp tiểu tư sản... Họ có học thức, dễ có cảm giác chính trị. Họ không trực tiếp bóc lột lao động. Vì vậy, họ dễ tiếp thụ sự giáo dục cách mạng và cùng đi với công nông...” (Sđd, t.7, tr.213-214).

Đánh giá cao vai trò và địa vị của trí thức, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như

thế. Chứng thực là trong cuộc kháng chiến cứu quốc này, những người trí thức Việt Nam đã chung một phần quan trọng. Một số thì trực tiếp tham gia vào công việc kháng chiến hy sinh cực khổ, chen vai thích cánh với bộ đội và nhân dân. Một số thì hăng hái hoạt động giúp đỡ ở ngoài... Địa vị những người trí thức ái quốc Việt Nam sẽ là cùng với toàn thể đồng bào, kiến thiết một nước Việt Nam mới, một nước Việt Nam thống nhất và độc lập, dân chủ, tự do, hạnh phúc” (Sđd, t.5, tr.156). Trong khi khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, giai cấp nông dân là quân chủ lực, Hồ Chí Minh đã xếp giai cấp tiểu tư sản (trong đó có trí thức) là đồng minh của giai cấp công nhân, là một bộ phận của động lực cách mạng. “Tính chất cách mạng của ta là cách mạng *dân chủ mới*, cho nên động lực cách mạng gồm có những giai cấp: *công nhân, nông dân, tiểu tư sản*” (Sđd, t.7, tr.211). Có một điểm, theo tôi cần chú ý, khi xác định nền tảng tổ chức của Đảng tóm tắt gồm 6 điều, thì ở Điều thứ nhất, Hồ Chí Minh đã viết: “1) Đảng là bộ đội tiền tiến của nhân dân lao động (công nhân, nông dân và lao động trí óc) (Sđd, t.7, tr.229). Lao động trí óc là một bộ phận hợp thành nền tảng tổ chức của Đảng. Đó là một chân lý hiển nhiên không chỉ đúng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà càng đúng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là một phát triển của Hồ Chí Minh về học thuyết xây dựng Đảng, để Đảng “có thể trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc...” (Sđd, t.7, tr.517).

Lịch sử đã cho thấy, cách đổi đời của giới lãnh đạo đương thời có ảnh hưởng to

lớn, nhiều khi có ý nghĩa quyết định đến thành bại của trí thức. Tài năng của trí thức bị lu mờ, thui chột hay được phát huy sáng chói cũng phụ thuộc nhiều vào sự đối đãi ấy. Hồ Chí Minh, người khởi xướng và lãnh đạo cuộc cách mạng lớn nhất và khó khăn nhất trong lịch sử dân tộc đã đối đãi với con người nói chung và người trí thức nói riêng một cách mẫu mực. Học tập và làm theo Hồ Chí Minh không phải chỉ trên bình diện tư tưởng đạo đức, mà trên hết và trước hết là noi theo Người, làm theo Người trong hành động cách mạng, là sửa đổi cách lãnh đạo, trong đó có cách ứng xử và đối đãi của chủ thể lãnh đạo, quản lý đối với nhân dân, trong đó có trí thức.

Một là, phát triển tinh thần yêu nước và ý thức tự trọng dân tộc của trí thức.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rất sớm rằng, ở đời ai cũng có quyền tin theo một học thuyết hay một chủ nghĩa, nhưng có một điểm chung mà hễ là người Việt Nam ít nhiều ai cũng có, đó là tinh thần yêu nước và ý thức tự trọng dân tộc. Trí thức có thể mạnh là nhạy bén chính trị, họ cảm thấy nô lệ, mất nước là quốc sỉ. Họ mong muốn tìm lối thoát nhưng bế tắc. Đảng cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chí Minh đã sáng suốt tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Người kêu gọi: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi, lửa nóng... Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kè vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng...”. Bằng cả cuộc đời

bôn ba ném mạt nằm gai, vào tù ra tội, bất chấp gian khổ hy sinh để tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc, nên lời kêu gọi ấy của Người có sức nặng của sự đồng tâm, đồng chí, của sự dẫn dắt đầy tin cậy: “Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề” (Sđd, t.3, tr.198).

Lấy cứu quốc là việc chung, Hồ Chí Minh đã làm cho cả nước một lòng, không còn mấy ai nghi kỵ, mặc cảm, đả đơ. Hầu hết trí thức có tên tuổi của nước Việt Nam đã tập hợp đông đủ dưới ngọn cờ Tổ quốc do Hồ Chí Minh dẫn dắt để làm nên thành công của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến dài nhất, gian khổ nhất trong lịch sử. Trong số đó có thể kể đến những vị đại trí thức khả kính như: Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Văn Tố; Phan Kế Toại, Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Minh Giám, Tôn Thất Tùng, Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước; các văn nghệ sĩ trí thức: Xuân Diệu, Huy Cận, Đặng Thai Mai, Nguyễn Đình Thi, Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy, Ngô Tất Tố, v.v... Khích lệ tinh thần yêu nước của trí thức, với tấm lòng chân thành, đạo đức trong sáng và tác phong giản dị, Hồ Chí Minh đã phát huy được khả năng tiềm tàng của trí thức, giúp họ ngày một tiến bộ, vững bước đi cùng dân tộc. Cùng với những đánh giá, khen ngợi, khích lệ, Người cũng chân tình, thẳng thắn khuyên “những người trí thức... cần phải biết rõ cái khuyết điểm của mình. Phải khiêm tốn. Chớ kiêu ngạo. Phải ra sức làm các việc thực tế”, không nên chỉ bằng lòng với những kiến thức, lý luận đã học được mà “Lý luận phải đem ra thực hành... Lý luận

cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chi học thuộc lòng, để đem *lòe* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích” (Sdd, t.5, tr.235). Cơm áo và danh dự là hai mặt của một vấn đề mà người trí thức băn khoăn. Trong thư trả lời một trí thức vào khoảng đầu cuộc kháng chiến chống Pháp khó khăn, thiếu thốn, Hồ Chí Minh đã viết: “Ai chẳng muốn no cơm, ấm áo. Nhưng sinh hoạt vật chất hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm xấu hay tốt, còn truyền đến ngàn đời sau”⁽¹⁾

Hồ Chí Minh đã phát triển tinh thần yêu nước và ý thức tự trọng dân tộc đơn lẻ của từng người trí thức hòa đồng vào chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự cường dân tộc của toàn dân. Nhờ đó, người trí thức Việt Nam đã trở thành một đội ngũ hùng hậu của dân tộc, đã xây đắp nên mối liên kết tất yếu của sự phát triển: cách mạng và trí thức; trí thức và cách mạng!

Hai là, trân trọng trí thức, tìm kiếm người tài đức là nghĩa vụ và bổn phận của nhà lãnh đạo.

Hồ Chí Minh với thái độ quang minh chính đại, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, đã cảm hóa, tập hợp, thu phục, phát huy được đông đảo trí thức. Trong lúc chính quyền non trẻ, vận mệnh quốc gia như ngàn cân treo sợi tóc, nhiều trí thức nổi tiếng xuất thân từ tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội được đào tạo trong các nhà trường của đế quốc, phong kiến, đã nghe theo tiếng gọi của Hồ Chí Minh “gác bút nghiên lên đường tranh đấu”.

Những ngày đầu tiên trên cương vị nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc, dễ hiểu về mối quan hệ giữa nhân tài và kiến quốc. Người viết: “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”. Và, Người thiết tha “mong rằng đồng bào ta ai có tài năng và sáng kiến..., lại sẵn lòng hăng hái giúp ích nước nhà thì xin gửi kế hoạch rõ ràng cho Chính phủ. Chúng tôi sẽ nghiên cứu kế hoạch ấy một cách kỹ lưỡng có thể thực hành được thì sẽ thực hành ngay” (Sdd, t.4, tr.99).

Trong công tác tổ chức nhân sự, Hồ Chí Minh đã nghiêm cấm các cơ quan Đảng và Chính phủ không được “*Tư túng* - Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình, không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai” (Sdd, t.4, tr.57). Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiêm khắc tự phê bình vì chưa bao quát hết nên một số cơ quan Chính phủ đã quan liêu, thiếu sâu sát để cho một số người tài đức chưa có dịp tham gia vào công việc kháng chiến kiến quốc. Một chi thị ngắn, rất ngắn, không cần lắm chữ nhiều lời (ngày 20-11-1946) của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể coi là một giáo huấn trường tồn cho tất cả các thế hệ cán bộ lãnh đạo đất nước:

“Tìm người tài đức.

Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài đức.

E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận.

Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết.

Báo cáo phải nói rõ: tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó.

Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ.

Chủ tịch Chính phủ Việt Nam

Hồ Chí Minh” (Sđd, t.4, tr.451)

Ba là, tin dùng, mạnh dạn trao cho người trí thức những chức vụ tương xứng với tài năng và đức độ của họ.

Người trí thức Việt Nam nói chung đều có lòng tự trọng, tự tin và ham tiến bộ, mong được giao những nhiệm vụ phù hợp với năng lực, sở trường. Họ mong muốn được làm việc trong một môi trường lành mạnh, có người lãnh đạo mẫu mực, thẳng thắn và chân tình, công tâm đánh giá đúng ưu điểm và khuyết, nhược điểm của họ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Ai cũng có lòng tự trọng, tự tin. Không có lòng tự trọng, tự tin là người vô dụng... Vì vậy, người lãnh đạo cần phải tôn trọng lòng tự tin, tự trọng của các đồng chí mình” (Sđd, t.5, tr.282).

Tôn trọng và tin dùng là vấn đề rất lớn, chúng ta không chỉ tìm thấy những chỉ dẫn ở các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh, mà còn phải nghiêm túc ôn lại lịch sử để thấy

Người đã xử sự, đối đãi với trí thức trong từng trường hợp một cách tinh tế và mẫu mực như thế nào. Nhiều lần Người đã dặn “dùng người như dùng gỗ”, phải biết rõ từng loại gỗ, không có loại gỗ nào là bỏ đi mà là do người không biết dùng, không thể đem gỗ vàng tâm đi làm cầu ao, gỗ tạp sơn son thiếp vàng làm hoành phi câu đối. Người khuyên phải vì việc mà chọn người, tu dưỡng bản thân để hiểu rõ mình rồi mới hiểu người khác để dùng: “1. Tự cao tự đại, 2. Ưa người ta nịnh mình, 3. Do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người, 4. Đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lấp vào tất cả mọi người khác nhau.

Phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông” (Sđd, t.5, tr.277).

Có thể kể ra một vài thí dụ về việc chọn người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1946, nhận trọng trách Quốc hội khoá I giao cho thành lập Chính phủ trong lúc cần tập hợp sức mạnh toàn dân tộc vào việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trân trọng giới thiệu những trí thức nổi tiếng ngoài Đảng giữ các chức vụ quan trọng “Bộ Nội vụ, một người đạo đức, danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết: Cụ Huỳnh Thúc Kháng...; Bộ Quốc phòng, một thanh niên trí thức và hoạt động quốc dân ta đã từng nghe tiếng: ông Phan Anh, ... Bộ Xã hội kiêm cả y tế, cứu tế và lao động, một nhà chuyên môn có tiếng trong y giới, bác sĩ Trương Đình Tri, ...; Bộ Giáo dục, một người đã lâu năm hoạt động trong công việc giáo dục quốc dân và là người mà quốc dân có thể tin rằng nếu đem việc giáo dục giao cho để gánh vác thì người ấy sẽ làm hết nhiệm vụ: ông Đặng Thai Mai...; Bộ Tư

pháp: cũng là một trong đám người trí thức và đã hoạt động rất nhiều trong công cuộc cách mạng: ông Vũ Đình Hoè...”.

Biết bao tri thức với những tài năng, đức độ và cả những cá tính khác nhau đã đi cùng dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với sự tin dùng và ân cần chỉ bảo, chăm sóc của Hồ Chí Minh. Họ đã có sự nghiệp vẻ vang trong vinh quang chung của Tổ quốc Việt Nam.

Bốn là, chăm lo đào tạo đội ngũ trí thức mới với tầm nhìn: “vì sự nghiệp trăm năm thì phải trồng người”.

Có thể nói, suốt đời Hồ Chí Minh chăm lo sự nghiệp đào tạo thế hệ cách mạng cho hiện tại và tương lai của đất nước. Với tầm nhìn xa, trông rộng và với niềm tin tất thắng trước bất cứ kẻ thù xâm lược nào để xây dựng một nhà nước Việt Nam độc lập, thống nhất, phú cường, ngay từ buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến cuộc kháng chiến chống Mỹ gay go, quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chú ý đào tạo trí thức đáp ứng một cách hài hoà giữa kháng chiến và kiến quốc. Người đã rất chú trọng phát triển giáo dục ngay từ khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời. Trong hoàn cảnh phải dồn sức cho cuộc kháng chiến bảo vệ chủ quyền quốc gia, Người vẫn chăm lo bằng mọi cách tổ chức xây dựng một đội ngũ trí thức đủ mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh vệ quốc và xây dựng đất nước thời hậu chiến.

Sau lễ Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945) một ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề nâng cao dân trí, chống giặc đói là một trong ba nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt Nam mới. Người cho rằng “một dân tộc đói là một dân tộc yếu”. Liên sau

đó Người phát động phong trào xoá nạn mù chữ, đồng thời cho thành lập lần lượt tất cả các bậc học từ tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học.

Trước khi qua đời, Người còn dặn phải đào tạo thanh thiếu niên trở thành những người có đạo đức và tài năng, “vừa hồng, vừa chuyên”.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay đang là vấn đề bức thiết của nước ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo, chuẩn bị một đội ngũ trí thức, một thể hệ kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh đã thể hiện rất rõ nỗi ưu lo dân - nước của Người .

Năm là, phải giữ danh giá của người lãnh đạo mà đối xử với trí thức

Lãnh đạo trí thức là việc khó, nhưng Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói: khó dễ đều bởi tại lòng mình. Lòng người lãnh đạo mà trong sáng, nhân hậu, chí công vô tư thì đó là sức mạnh, là bí quyết để dùng người. Nếu không sẽ “hông cả công việc của Đảng, hông cả danh giá của người lãnh đạo” (Sdd, t.5, tr.279). Hồ Chí Minh khuyên “Người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên hiền thấu... phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng” để lãnh đạo cho đúng, “dùng cán bộ đúng” (Sdd, t.5, tr.285). Dùng cán bộ đúng là nghĩa vụ, bổn phận của nhà lãnh đạo đồng thời cũng là phẩm chất chính trị và danh giá của họ.

(1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.4, tr.204.